TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** TỈNH TIỀN GIANG Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST Ngày 10-7-2018 V/v tranh chấp xin ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Mẫn.

-Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Văn Luân.

Bà Phạm Thị Thế Băng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018; giữa:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp MĐ1, xã MP1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S chung sống vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông S chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì bà và ông S phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện bà và ông S không còn chung sống với nhau. Nay bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Con chung: Bà và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 29-6-1998 và Nguyễn Văn Th, sinh ngày 04-8-2004. Hiện cháu T đã trưởng thành và lao động được, cháu Th đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Văn Th, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thoả thuận.

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn S: Quá trình thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông S nhưng ông S vẫn không đến tham dự và cũng không gửi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà N cho Toà án.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:

Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, không công nhận bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng, giao con Nguyễn Văn Th sinh ngày 04-8-2004 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà N và ông S chung sống với nhau vào năm 1998, không có đăng ký

kết hôn, ông S có hộ khẩu thường trú tại ấp MĐ1, xã MP1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên bà N khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp " Xin ly hôn".

[2] Tại phiên toà hôm nay, ông S không đến tham dự phiên toà, ông S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông S đã không còn khả năng đoàn tụ. Bởi lẽ, trong quá trình chung sống không hạnh phúc, mâu thuẩn nhau trầm trọng kéo dài và đã sống ly thân. Tuy nhiên, bà N và ông S chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình, nay bà N yêu cầu ly hôn với ông S, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, không công nhận bà N và ông S là vợ chồng là phù hợp Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 29-6-1998 và Nguyễn Văn Th, sinh ngày 04-8-2004. Hiện cháu T đã trưởng thành và lao động được, cháu Th đang sống với bà N và theo nguyện vọng của cháu Th được tiếp tục chung sống với bà N, để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho cháu Th, nghĩ nên chấp nhận giao cháu Th cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Bà N chưa yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên chưa đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: tự thoả thuận.

[7] Về nợ chung: không có.

[8] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

* Về đề nghị của Viện kiểm sát: Xét đề nghị của Kiểm sát viên là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm b Khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N. Không công nhận bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

2.Về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Văn Th, sinh ngày 04-8-2004 cho bà Huỳnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông S có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông S chưa phải đóng góp nuôi con chung với bà N do bà N chưa yêu cầu.

4.Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

5.Về nợ chung: không có.

6.Về án phí: áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19111 ngày 18-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Bà N đã thi hành xong án phí.

7. Quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Văn Mẫn